UBND TỈNH LÀO CAI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 88 /BC-STNMT

Lào Cai, ngày 8 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO
Kết quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường Từ đầu nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh Khóa XV đến nay

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ giai đoạn 2016- 2018:

1. Triển khai thực hiện các Đề án, dự án trọng tâm của tỉnh:

Tổ chức triển khai và phối hợp thực hiện tốt các nhiệm vụ của ngành được giao trong 04 Chương trình, 19 Đề án trọng tâm của Tỉnh ủy. Đối với Đề án số 10-ĐA/TU của Tỉnh ủy Lào Cai về tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, Đảng ủy, Ban Giám đốc Sở đã chủ động chỉ đạo xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ thực hiện và báo cáo kịp thời tình hình thực hiện đề án theo yêu cầu. Đến nay, nội dung của đề án, các chương trình, dự án thành phần đã được triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ kế hoạch.

Qua 3 năm triển khai thực hiện Đề án số 10-ĐA/TU đã đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần thực hiện thắng lợi một số mục tiêu, kế hoạch đề ra. Các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường được ban hành đồng bộ, tạo hành lang pháp lý thuận lợi trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường. Công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ngày càng được chú trọng. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được quan tâm; việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân được đẩy mạnh.

Tài nguyên khoáng sản được khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả; thu hút doanh nghiệp đủ năng lực tham gia đầu tư khai thác tập trung quy mô lớn, đáp ứng nhu cầu nguồn nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến sâu về hoá chất, luyện kim và phân bón phát triển. Tạo việc làm từ hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản cho khoảng 10.000 người. Giá trị thu ngân sách ngày càng tăng, tổng số tiền từ cấp quyền khai thác khoáng sản đã phê duyệt là: 1.224.667.003.098 đồng (đối với 171 lượt giấy phép). Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản được tăng cường, tình trạng khai thác trái phép đã được xử lý, ngăn chặn.

Nhận thức và hành động về bảo vệ môi trường trong cộng đồng có sự chuyển biến rõ rệt; các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường được quan tâm, triển khai thực hiện đồng bộ. Cơ sở hạ tầng về bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp và các đô thị loại VI trở lên trên địa bàn tỉnh đang dần được đồng bộ. Trên cơ sở đó, chất lượng môi trường toàn tỉnh dần được kiểm soát; môi trường nông thôn có nhiều khởi sắc, bước đầu đã có một số xã hoàn thành tiêu chí số 17 về môi trường trong Chương trình xây dựng nông thôn mới; chất thải tại các đô thị được quan tâm thu gom, xử lý đồng bộ; trong sản xuất công nghiệp, doanh nghiệp chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ theo hướng sản xuất sạch thân thiện với môi trường, sử dụng tiết kiệm nguyên nhiên liệu, xử lý chất thải đạt tiêu

chuẩn thải; năng lực ứng phó với BĐKH được tăng cường, bảo tồn đa dạng được phát huy...

2. Công tác tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

Từ năm 2016 đến hết năm 2018, Sở đã chủ trì xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành 14 văn bản QPPL về lĩnh vực đất đai, khoáng sản; tham mưu ban hành Chỉ thị số 30-CT/TU ngày 20/3/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường quản lý về đất đai và Chỉ thị 07/CT-UBND ngày 23/02/2018 của UBND tỉnh.

Tham mưu ban hành nhiều văn bản hướng dẫn về chuyên môn đối với các lĩnh vực của ngành như công tác thống kê, kiểm kê đất đai, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, xác định giá phục vụ công tác đấu giá đất, khoáng sản, bảo vệ môi trường…; văn bản tháo gỡ khó khăn về quản lý nhà nước về đất đai, về cơ chế, chính sách về thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng tại cơ sở.

3. Công tác quản lý đất đai:

Thường xuyên tham mưu Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh các giải pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, trong đó tập trung vào công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (QHKHSDĐ), giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; kiểm tra, rà soát đất của tổ chức, xử lý vi phạm; xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý quỹ đất công, góp phần tăng thu cho ngân sách. Kết quả cụ thể như sau:

(1) Về công tác lập Quy hoạch- Kế hoạch sử dụng đất:

Về công tác lập QHSDĐ: Thực hiện Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 các cấp đảm bảo theo đúng quy định, đến nay đã hoàn thành công tác lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến năm 2020 được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 17/5/2018; hoàn thành, trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cho 9/9 Tổ chức rà soát, bổ sung lập báo cáo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 ở cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã các năm đều hoàn thành và đạt 100% kế hoạch giao.

Về công tác lập Kế hoạch sử dụng đất (KHSDĐ): Tham mưu phê duyệt KHSDĐ hàng năm cấp huyện (2016, 2017, 2018) được thực hiện hiệu quả, đảm bảo đúng quy định. KHSDĐ hàng năm cấp huyện được UBND tỉnh phê duyệt là căn cứ quan trọng để thực hiện thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật.

Công tác lập QH KHSDĐ đã được triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, đúng quy định của pháp luật, đã góp phần tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, cá nhân phát huy tối đa tiềm năng của đất đai trong phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Về công tác thống kê đất đai: Hoàn thành thống kê đất đai các năm giai đoạn 2016-2018 theo đúng tiến độ và nội dung yêu cầu.

(2) Công tác giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Tập trung nguồn lực chủ động phối hợp với các huyện, thành phố tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, doanh nghiệp và các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh, kết quả đều vượt kế hoạch giao hàng năm.

+ Đối với tổ chức: Tính đến hết năm 2018, đã thực hiện đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức được 2.056 giấy (trong đó: năm 2016, được 550 giấy, đạt 110% so với KH; năm 2017, được 644 giấy, đạt 805% KH; năm 2018, được 862 giấy, đạt 287% KH).

+ Đối với hộ gia đình, cá nhân:

Đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện công đoạn đo đạc, lập bản đồ, xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai trên địa bàn toàn tỉnh, tính đến hết tháng 10/2018 đã cấp được tổng số 41.458 giấy (trong đó: năm 2016, được 17.052 giấy, đạt 117% KH giao; năm 2017, được 15.047 giấy, đạt 100.1% KH giao; 9 tháng đầu năm 2018, 9.359 giấy, đạt 82% KH giao).

Đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân được cấp lần đầu tổng số 7.484 giấy (trong đó: năm 2016, được 2.470 giấy, đạt 132% KH; năm 2017, được 1.484 giấy, đạt 101% KH giao; năm 2018, được 3.530 giấy, đạt 144% KH giao).

Về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai: Trên cơ sở kết quả đo đạc, lập bản đồ địa chính và hồ sơ địa chính, đã thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai nhằm tăng cường công tác quản lý đất đai được chặt chẽ, cải cách thủ tục hành chính, giảm thời gian giải quyết hồ sơ. Đến nay, đã hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai của huyện Văn Bàn và được tích hợp lên hệ thống thông tin đất đai Web ELIS và vận hành hiệu quả tại Văn phòng đăng ký đất đai cấp tỉnh và chi nhánh; đang tiếp tục triển khai tại huyện Bắc Hà, Bảo Yên, Si Ma Cai và thành phố Lào Cai.

Tham mưu và chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 08/3/2018 của UBND tỉnh về thực hiện rà soát, kiểm tra sử dụng đất đai trên địa bàn đúng thời gian theo kế hoạch và đảm bảo chất lượng. Qua công tác kiểm tra, rà soát có trên 93% tổ chức sử dụng đất đúng quy định của pháp luật, đồng thời đã đề xuất các giải pháp tăng cường trong quản lý, sử dụng đất của tổ chức đối với trách nhiệm của các sở ngành, UBND các huyện, thành phố và kiến nghị xử lý các tổ chức vi phạm như: Sử dụng đất không hiệu quả, không đúng mục đích, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính...

(3) Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư:

Thường xuyên phối hợp với các ngành, UBND các huyện, thành phố tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn toàn tỉnh; chủ động tham mưu với UBND tỉnh ban hành, điều chỉnh bổ sung các quy định về trình tự, thủ tục trong thu hồi đất, cưỡng chế giải phóng mặt bằng. Chủ trì phối hợp với các ngành kiểm tra giải quyết vướng mắc một số dự án giải phóng mặt bằng tại tỉnh như: Dự án xây dựng khu tái định cư và sắp xếp dân cư Tây Bắc, huyện Sa Pa; dự án Cảng hàng không Lào Cai tại huyện Bảo Yên; dự án đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai đi Sa Pa; các dự án ODA tại thành phố Lào Cai... Do đó, đã góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, giữ vững tình hình an ninh, chính trị tại địa phương.

4. Công tác quản lý đo đạc và bản đồ:

Thực hiện tốt chức năng tham mưu quản lý nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ; thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh hoạt động đo đạc bản đồ; quản lý

chặt chẽ việc sử dụng tài liệu, tư liệu về bản đồ; đẩy nhanh công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính thuộc dự án tổng thể về đo đạc, nâng cao chất lượng sản phẩm địa chính phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông trường, lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai; phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính, đăng ký cấp Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cho các xã, thị trấn thuộc huyện Bảo Thắng; phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 khu vực Kim Thành - Bản Vược, tỉnh Lào Cai; phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán cắm mốc ranh giới các khu vực bảo vệ danh lam thắng cảnh ruộng bậc thang Sa Pa, di tích thắng cảnh núi Hàm Rồng tại huyện Sa Pa, đo đạc đất của các nông, lâm trường Bảo Yên, Bảo Thắng, Văn Bàn.....

Tổ chức, thực hiện đo đạc, lập bản đồ địa chính phục vụ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trong giai đoạn 2016-2018 trên địa bàn huyện Bảo Thắng, Bảo Yên và thành phố Lào Cai đảm bảo chất lượng và tiến độ.

5. Công tác quản lý khoáng sản:

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác thẩm định, cấp phép hoạt động khoáng sản trên địa bàn, đảm bảo thực hiện chặt chẽ, phù hợp với quy hoạch, đúng quy định và gắn khai thác với chế biến sâu, ưu tiên cấp mỏ cho các doanh nghiệp có năng lực, kinh nghiệm, có cơ sở chế biến sâu nhằm tăng hiệu quả khai thác, sử dụng khoáng sản, đảm bảo việc khai thác và sử dụng khoáng sản hợp lý, tiết kiệm, bảo vệ môi trường.

Trình UBND tỉnh cấp phép, gia hạn 58 giấy phép khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường; cấp 33 giấy phép thăm dò khoáng sản; Chuyển nhượng 01 giấy phép khai thác đá; cấp lại 01 giấy phép khai thác đá; cấp 01 bản đăng ký khai thác đá; thu hồi 01 quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quặng apatit chưa phù hợp. Trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản 01 mỏ đá, 03 mỏ cát; thẩm định 06 Đề án đóng cửa mỏ; phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của 33 đơn vị; phê duyệt bổ sung 10 điểm mỏ (chủ yếu là cát, sỏi) vào khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND tỉnh.

Phối hợp chặt chẽ với các ngành, địa phương thực hiện tốt công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, kiểm tra, giải tỏa các khu vực khai thác khoáng sản trái phép, như khu vực vàng gốc Minh Lương và Nậm Xây, huyện Văn Bàn; mỏ vàng khu vực Tả Phời; không có tình trạng tàu cuốc khai thác vàng sa khoáng trái phép trên sông, suối thuộc địa bàn tỉnh.

Chủ trì phối hợp với các sở, ngành chức năng, UBND các huyện, thành phố thực hiện việc thẩm định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các đơn vị trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

Triển khai công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo đúng quy định; từ năm 2017 đến nay đã tham mưu đấu giá thành công đối với 13 mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

6. Công tác bảo vệ môi trường:

Công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường được quan tâm, đẩy mạnh, trong 3 năm tổ chức trên 30 hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn, lễ mít tinh, cổ động về bảo vệ môi trường. Trong đó, năm 2016, tham mưu cho UBND tỉnh Lào Cai phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thành công ngày Môi trường thế giới cấp Quốc gia; ký kết hợp tác Quốc tế về bảo vệ môi trường giữa sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai và Cục Bảo vệ môi trường châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Nâng cao chất lượng công tác thẩm định: Từ năm 2016 đến nay, đã tiếp nhận, thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt 56 báo cáo ĐTM; 10 Đề án BVMT chi tiết; phê duyệt 25 Phương án CTPHMT; Xác nhận theo thẩm quyền 45 kế hoạch BVMT, 30 đề án BVMT đơn giản, hoàn thành công trình xử lý môi trường; Cấp 18 sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

Tập trung chỉ đạo các phòng ban, đơn vị trực thuộc nâng cao hiệu quả kiểm soát, cải thiện chất lượng môi trường thông qua việc triển khai thực hiện quả các chương trình, dự án: Đề án phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố Lào Cai và các huyện Sa Pa, Bát Xát, Bảo Thắng giai đoạn mở rộng 2016-2020; Dự án cải tạo nâng cấp BCL chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh tại huyện Bảo Yên, Bảo Thắng; Dự án Đầu tư hệ thống hạ tầng, CSDL tiếp nhận, quản lý số liệu quan trắc tự động, liên tục nước thải, khí thải trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Dự án Đầu tư hệ thống quan trắc khí thải tự động tại Khu công nghiệp Tằng Loỏng; Dự án Điều tra, đánh giá mức độ ô nhiễm, lập kế hoạch tổng thể phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai....

Tham mưu giải quyết kịp thời các sự vụ, sự việc, sự cố môi trường phát sinh; phong tỏa, ngăn chặn kịp thời các dòng thải phát sinh; xử lý khắc phục môi trường ô nhiễm; yêu cầu các doanh nghiệp trong KCN Tằng Loỏng hỗ trợ kinh phí cho 79 hộ dân tại thị trấn Tằng Loỏng có cây trồng bị cháy táp lá tổng số tiền 955 triệu đồng; giải quyết sự cố bục đường ống bơm nước hồi lưu tại bãi thải Gisp của nhà máy DAP số 2 làm chết cá của 10 hộ dân tại thôn Tân Lợi, xã Xuân Giao và yêu cầu Công ty CP DAP số 2 – Vinachem hỗ trợ cho các hộ dân tổng số tiền trên 300 triệu đồng; nhà máy luyện kim màu Lào Cai, xã Bản Lầu xảy ra sự cố rò rỉ khí thải của Công ty CP Tứ Đỉnh làm ảnh hưởng đến cây trồng của nhân dân thôn km 15, xã Bản Lầu, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định hành chính áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với Công ty với tổng kinh phí là 14.241.297.189 đồng....

Quan tâm nâng cao hiệu quả công tác quản lý đa dạng sinh học trên cơ sở tham mưu UBND ban hành chỉ thị về việc tăng cường công tác quản lý đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Kế hoạch triển khai đề án tăng cường năng lực quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ công bằng lợi ích phát triển từ sử dụng nguồn gen giai đoạn 2016-2020. Chủ động phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Vườn Quốc gia, Khu Bảo tồn thiên nhiên trong thực hiện nhiệm vụ bảo tồn nguồn tài nguyên đa dạng sinh học.

Ngoài những nhiệm vụ chủ chốt, tăng cường các hoạt động hướng dẫn, tập huấn, tuyên truyền về bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới. Đến hết

năm 2017, thẩm định và trình công nhận cho 35 xã hoàn thành tiêu chí 17 về môi trường và an toàn thực phẩm; năm 2018 đang thẩm định 10 xã đăng ký hoàn thành.

7. Công tác quản lý tài nguyên nước, KTTV:

Tham mưu trình Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lại 11 giấy phép; phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho 06 tổ chức. Trình UBND tỉnh cấp mới 20 giấy phép, cấp lại 21 giấy phép, gia hạn 02 giấy phép. Trình phê duyệt và thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với 18 hồ sơ của các tổ chức; phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh công trình cấp nước sinh hoạt cho 02 Giấy phép của chi nhánh mỏ tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai – Vimico.

8. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo:

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tất cả các lĩnh vực thuộc ngành quản lý. Tổ chức 73 cuộc thanh tra, kiểm tra với các tổ chức, cá nhân về lĩnh vực đất đai, khoáng sản, nước, môi trường.

Qua thanh tra, kiểm tra, đã phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính đối với 36 tổ chức về lĩnh vực đất đai, khoáng sản, môi trường với tổng số tiền 7,2335 tỷ đồng (trong đó trình UBND tỉnh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực bảo vệ môi trường với số tiền 5,275 tỷ đồng; khoáng sản 1,6 tỷ đồng). Các tổ chức, cá nhân vi phạm cơ bản thực hiện nghiêm túc quyết định của cấp có thẩm quyền, kịp thời khắc phục, sửa chữa sai phạm do chưa chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về tài nguyên và môi trường. Đã tiếp nhận và xử lý 196 đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của công dân, chủ yếu về lĩnh vực đất đai.

Các hoạt động thanh tra, kiểm tra bám sát theo các vấn đề nổi cộm của tỉnh, các điểm nóng về môi trường (khu, cụm công nghiệp, cơ sở khai thác chế biến khoáng sản, thuỷ điện, chế biến nông sản thực phẩm...). Xử lý kịp thời đảm bảo quyền lợi cho người dân khi xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã nâng cao hơn trách nhiệm của các cấp chính quyền. UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã có nhiều cố gắng thực hiện các biện pháp để tăng cường công tác quản lý khoáng sản, bảo vệ môi trường trên địa bàn. Các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, Mặt trận tổ quốc đã thực hiện tuyên truyền, vận động nhân dân không tham gia khai thác, tàng trữ, mua bán, vận chuyển khoáng sản trái phép. Các hoạt động khoáng sản trái phép đã được phát hiện, ngăn chặn và xử lý dứt điểm.

Thực hiện tốt công tác chỉ đạo giải quyết dứt điểm các kiến nghị cử tri về các lĩnh vực đất đai, môi trường, khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

9. Công tác cải cách hành chính:

Trong những năm vừa qua, công tác CCHC luôn được Đảng ủy, Ban Giám đốc quan tâm, chỉ đạo, coi đây là nhiệm vụ quan trọng; tham mưu cho tỉnh nhiều cơ chế chính sách sát, đúng, kịp thời. Các văn bản do Sở ban hành và tham mưu ban hành đã tạo sự thống nhất, chặt chẽ trong việc quản lý các lĩnh vực về tài nguyên và môi trường, góp phần quan trọng vào việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tổ chức bộ máy của Sở đã được sắp xếp hợp lý, theo hướng cải cách hành chính, phát huy tốt hiệu lực, hiệu quả hoạt động, nâng cao chất lượng phục vụ đối với các tổ

chức, công dân. Chất lượng đội ngũ công chức, viên chức ngày càng được nâng cao; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước hiện đại hóa hành chính...

Công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC) được thực hiện thường xuyên, việc kiểm soát thủ tục hành chính gắn với công khai, minh bạch các TTHC đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu của tổ chức, cá nhân, góp phần phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, những nhiễu trong giải quyết TTHC của công chức, viên chức. Năm 2017, đã chỉ đạo rà soát, trình UBND tỉnh công bố 106 TTHC ở cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã được chuẩn hóa tên và nội dung về lĩnh vực tài nguyên và môi trường (trong đó: thực hiện tại Sở là 92 TTHC, tại cấp huyện là 11 TTHC, tại cấp xã là 03 TTHC). 100% TTHC thực hiện tại Sở được tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận "Một cửa".

Thực hiện Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 03/6/2016 của UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt Đề án cải cách TTHC, đã đăng ký và thực hiện cắt giảm 30% thời gian giải quyết đối với 24 TTHC và 01 TTHC theo Chỉ thị số 08/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Nhằm triển khai thực hiện hiệu quả các quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại Sở, đã thực hiện thông báo niêm yết, công khai Danh mục 13 TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 thực hiện tại Sở; Danh mục 92 TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở thực hiện tiếp nhận tại Bộ phận "Một cửa" trên Cổng thông tin điện tử và tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở để phục vụ hiệu quả cho việc tra cứu của các tổ chức, cá nhân.

Tập trung chỉ đạo giải quyết TTHC, không để tồn đọng, kéo dài.

II. Khó khăn, vướng mắc, đề xuất kiến nghị:

1. Về triển khai thực hiện các Dự án:

Việc thực hiện các Dự án trên địa bàn triển khai còn chậm chưa đảm bảo tiến độ do ngân sách địa phương còn hạn hẹp

Đề nghị Chính phủ hỗ trợ kinh phí từ nguồn Ngân sách Trung ương cho UBND tỉnh Lào Cai thực hiện các Dự án thuộc lĩnh vực tài nguyên môi trường như: Dự án đo đạc đất nông, lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh; Dự án Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019; Dự án Đo đạc, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh (Dự án tổng thể).

2. Về lĩnh vực đất đai:

+ Tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: (1) Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 17 thông báo thu hồi, thành phần ban thực hiện cưỡng chế thu hồi, kinh phí cưỡng chế thu hồi, giải quyết khiếu kiện phát sinh từ việc cưỡng chế thu hồi, đề nghị bổ sung trách nhiệm, thời hạn xử lý tài sản khi thực hiện cưỡng chế thu hồi đất, sau khi thống kê, lập biên bản giao cho UBND cấp xã quản lý; (2) Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 66 bổ sung trình tự, thủ tục thu hồi đất do vi phạm pháp luật chưa quy định trình tự, thủ tục thu hồi đất quy định tại điểm a, b khoản 1, Điều 64 Luật Đất đai để thống nhất thực hiện.

+ Tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: (1) Đề nghị bổ sung Điều 16 nội dung quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các trường hợp thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người; (2) Đề nghị sửa Điều 22 theo hướng không quy định hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở. Bổ sung quy định cụ thể về kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt khi chưa có dự án đầu tư.

+ Tại Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: Đề nghị nghiên cứu bỏ nội dung quy định tại đoạn cuối Khoản 1 Điều 16 "Trường hợp hộ gia đình, cá nhân thanh toán nợ trước hạn thì được hỗ trợ giảm trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp theo mức hỗ trợ là 2%/năm của thời hạn trả nợ trước hạn và tính trên số tiền sử dụng đất trả nợ trước hạn".

Lý do: Trường hợp người sử dụng đất thuộc đối tượng ưu đãi thì đã được xem xét miễn, giảm tiền sử dụng đất theo chế độ; khi được ghi nợ trong thời hạn 05 năm là lại thêm một phần ưu đãi nữa cho đối tượng thực sự khó khăn; Khi nộp trước hạn được hỗ trợ mức 2%/năm của thời gian nộp trước hạn sẽ tạo ra sự bất bình đẳng trong việc đóng góp nghĩa vụ NSNN vì số tiền sử dụng đất được ghi nợ là số tiền sử dụng đất còn phải nộp sau khi trừ đi các khoản được giảm trừ, chế độ ưu đãi (nếu có); Từ việc quy định chưa rõ đối tượng, lại thêm có mức hỗ trợ 2%/năm đã tạo ra khe hở của chính sách, dễ gây thất thoát nguồn thu của NSNN mà đúng ra phải nộp đủ - Qua phân tích hồ sơ nộp trước hạn, chủ yếu thuộc trường hợp nộp đủ để chuyển nhượng, còn đại đa số người sử dụng đất đều dồn vào thời gian cuối để thanh toán nợ với NSNN.

+ Tại Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Tại Khoản 2 Điều 13 quy định: Nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư vào Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lào Cai (tỉnh Lào Cai), Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo (tỉnh Hà Tĩnh), Khu kinh tế - thương mại đặc biệt Lao Bảo (tỉnh Quảng Trị), Khu kinh tế cửa khẩu An Giang (tỉnh An Giang), Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài (tỉnh Tây Ninh), Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y (tỉnh Kon Tum), Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn (tỉnh Lạng Sơn), Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái (tỉnh Quảng Ninh) và Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp (tỉnh Đồng Tháp) khi thuê đất, thuê mặt nước, ngoài được hưởng các ưu đãi quy định tại khoản 1 Điều này còn được giảm 70% tiền thuê đất, thuê mặt nước tính theo đơn giá thuê đất, thuê mặt nước áp dụng tại huyện có mức giá thuê đất, thuê mặt nước thấp nhất trong địa bàn tỉnh theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tính từ năm nhà đầu tư hết thời gian được hưởng ưu đãi nêu tại Khoản 1 Điều này trở đi".

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ có quy định riêng cho khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai. Lý do: Xuất phát từ đặc điểm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lào Cai cơ bản thuộc địa giới hành chính thành phố Lào Cai (địa bàn ưu đãi thực hiện theo Quyết định số 44/2008/QĐ-TTg và từ ngày 15/11/2016 được thực hiện theo Quyết định số 40/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ), là đầu mối trung

tâm kinh tế của tỉnh vì vậy có giá đất do UBND tỉnh ban hành và công bố hàng năm đều cao nhất trong địa tỉnh; Theo tính toán của cơ quan thuế, đơn giá thuê đất của nhà đầu tư sau khi hết hạn ưu đãi được giảm 70% tiền thuê đất theo đơn giá tại huyện có mức giá thuê đất thấp nhất trên địa bàn tỉnh Lào Cai, thì số tiền còn phải nộp là 1.000đ/01 m2 đất/01 năm, so với đơn giá đất thuê được xác định cho năm 2017 cụ thể tại đoạn từ Cầu Kiều đến phố Sơn Hà, đường Nguyễn Huệ, thành phố Lào Cai là 384.000đ/01 m2 đất/01 năm. Như vậy, nếu không thuộc địa bàn ưu đãi theo Quyết định số 40/2016/QĐ-TTg thì nhà đầu tư tại thửa đất trên phải nộp 384.000đ/01 m2 đất/01 năm; Để đảm bảo việc thực hiện ưu đãi tiền thuê đất có hiệu quả, công bằng giữa các vùng, miền của các tỉnh bạn, các địa bàn trong tỉnh Lào Cai. Đề nghị quy định ưu đãi được giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước tính theo đơn giá thuê đất, thuê mặt nước áp dụng theo quy định của UBND tỉnh tính từ năm nhà đầu tư hết thời gian được hưởng ưu đãi trở đi.

3. Lĩnh vực khoáng sản:

3.1. Khó khăn, vướng mắc:

a. Tại Nghị định số 203/2013/NĐ-CP của Chính phủ:

+ Luật Khoáng sản năm 2010 có hiệu lực từ ngày 01/7/2011, nhưng đến ngày 28/11/2013 mới ban hành Nghị định 203/2013/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Trong đó, quy định thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 01/7/2011 là rất khó khăn (do sản phẩm khai thác đã tiêu thụ, không hạch toán vào giá thành tiền cấp quyền thai thác).

+ Đối với một số mỏ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tiền cấp quyền khai thác nhưng đã dừng hoạt động do hết hạn hoặc được trả lại, thu hồi giấy phép…. Việc thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tính đến thời điểm hết hạn, trả lại hoặc thu hồi của các đơn vị này gặp khó khăn do phải thẩm định, tính và phê duyệt lại số tiền phải nộp; đồng thời không có chế tài xử lý các đơn vị do không còn ràng buộc về giấy phép khai thác khoáng sản (đã được thu hồi hoặc hết hạn).

+ Một số mỏ có trữ lượng thực tế thấp hơn trữ lượng đã được phê duyệt trước đây; một số mỏ có quy mô nhỏ, lẻ, điều kiện địa hình, địa chất phức tạp chưa có tài liệu thăm dò chi tiết, việc khai thác gặp nhiều rủi ro, không hiệu quả; ảnh hưởng do suy thoái kinh tế… nên một số đơn vị đã tạm dừng khai thác, tạm dừng hoạt động nên không có sản phẩm tiêu thụ… vì vậy việc thu tiền đối với các trường hợp này cũng gặp nhiều khó khăn.

+ Tại khoản 3 Điều 64 Luật Khoáng sản có quy định: Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường quy định tại điểm a khoản 2 Điều 64 *(trường hợp không phải đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản)* phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Trong khi đó đối tượng áp dụng tính và thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 203 là tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Vì vậy, chưa xác định rõ nghĩa vụ phải nộp đối với các trường hợp mà không phải cấp phép khai thác khi khai thác, thu hồi trong dự án xây dựng công trình đã được duyệt.

+ Đối với các trường hợp đã được cho phép khai thác, thu hồi trong diện tích công trình mà chưa có căn cứ để xác định được trữ lượng khoáng sản nên việc xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là rất khó khăn.

b. Về khung giá tính thuế tài nguyên:

Theo quy định tại Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định đối với cát vàng khung giá là 245.000 - 350.000 đồng/m^3.

Tuy nhiên, giá thực tế cát vàng trên địa bàn tỉnh Lào Cai giá bình quân được công bố là 92.000 đồng/m^3 (thực tế thấp hơn 62% so với mức giá tối thiểu tại Thông tư số 44/2017/TT-BTC). Do đó, trong tháng 10/2017, UBND tỉnh Lào Cai đã có văn bản kiến nghị Bộ Tài chính, đề nghị điều chỉnh lại giá tối thiểu theo khung giá với cát vàng từ 80.000 – 350.000 đồng/m^3 làm căn cứ để UBND tỉnh Lào Cai ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho các đơn vị. Tuy nhiên, đến nay chưa được Bộ Tài chính xem xét, giải quyết. Nếu không điều chỉnh khung giá sẽ rất khó khăn cho các đơn vị đang phải áp dụng mức thu tiền cấp quyền, giá tính thuế tài nguyên cao hơn 62% so với thực tế.

c. Việc kiểm soát sản lượng khai thác:

Hiện nay, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP đã quy định: "Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, trừ hộ kinh doanh phải lắp đặt trạm cân tại vị trí đưa khoáng sản nguyên khai ra khỏi khu vực khai thác; lắp đặt camera giám sát tại các kho chứa để lưu trữ thông tin, số liệu liên quan". Tuy nhiên, chưa quy định việc lắp đặt hạ tầng và kết nối với hệ thống của cơ quan chức năng để theo dõi, giám sát. Do đó, đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

Công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác đối với khoáng sản vàng và việc kiểm soát sản lượng của các tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép khai thác đối với khoáng sản vàng gặp nhiều khó khăn.

d. Về đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

+ Trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh Lào Cai đ số các mỏ đưa ra đấu giá đều chưa có kết quả thăm dò, nên việc xác định mức thu tiền đặt trước (đặt cọc) đối với mỏ có nhiều sản phẩm đi kèm gặp khó khăn, như đối với quặng apatit có các loại (I, II, III) có mức giá khác nhau, khi chưa xác định được trữ lượng từng loại quặng thì không có cơ sở xác định sơ bộ tổng giá trị mỏ để xác định số tiền đặt cọc. Đặc biệt đối với cát, sỏi lòng sông việc xác định trữ lượng gặp khó khăn, và trữ lượng có thể thay đổi phụ thuộc vào mưa, lũ, dòng chảy mang lại hoặc cuốn trôi.

+ Thời gian từ khi công khai kế hoạch đấu giá, đến khi tổ chức đấu giá là quá dài (khoảng 90 ngày). Sau khi trúng đấu giá vẫn phải làm thủ tục cấp giấy phép thăm dò (đối với mỏ chưa có kết quả thăm dò), giấy phép khai thác, thì thời gian giải quyết các thủ tục này khoảng 220 ngày, chưa tính thời gian phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, quyết định chủ trương đầu tư. Nên đến khi khai thác được mất rất nhiều thời gian, gây khó khăn cho nắm bắt cơ hội đầu tư và hiệu quả kinh tế đối với đơn vị trúng đấu giá.

+ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP chưa quy định cụ thể định mức chi phí cho: Công tác thẩm định hồ sơ tham gia đấu giá; công tác khảo sát đánh giá sơ bộ chất lượng, trữ lượng mỏ đối với các điểm mỏ chưa có kết quả thăm dò; chi phí lập dự toán đầu tư thăm dò, chi phí lập dự toán đầu tư khai thác,...

d. Có một số mỏ trước đây Bộ, ngành Trung ương quyết định giao cho tỉnh quản lý, cấp giấy phép. Tuy nhiên, đến nay đã hết hạn, trữ lượng vẫn chưa khai thác hết, nhưng chưa được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định, phê duyệt khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và theo Luật Khoáng sản năm 2010 khi chưa được phê duyệt khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ thì tỉnh Lào Cai không có thẩm quyền gia hạn. Do vậy, các doanh nghiệp được cấp giấy phép trước đây gặp khó khăn trong việc thu hồi vốn, ảnh hưởng đến thiết bị do không hoạt động.

3.2. Đề xuất, kiến nghị:

- Đề nghị Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khoáng sản năm 2010. Trong đó, đề nghị: Không truy thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong giai đoạn từ ngày 01/7/2011 đến ngày 31/12/2013; quy định cụ thể trách nhiệm của địa phương ban hành quy định cụ thể việc quản lý khoáng sản tại địa phương; bổ sung việc báo cáo định kỳ khoáng sản 6 tháng đầu năm và 12 tháng để đảm bảo việc định kỳ tổng hợp kết quả khai thác, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động khoáng sản.

- Điều chỉnh khoản trích từ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các giấy phép do Trung ương cấp cho địa phương (theo quy định hiện nay chỉ được trích lại 30%), cụ thể đề nghị điều chỉnh tỷ lệ trích cho địa phương ít nhất là 70%).

- Đề nghị ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 203/2013/NĐ-CP. Nghị định thay thế cần được sửa đổi về phương thức, cách tính theo hướng xác định và thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo sản lượng kê khai nộp thuế tài nguyên, sản lượng khai thác thực tế hàng năm. Đồng thời, giải quyết được các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tế đã nêu trên. Quy định rõ về trữ lượng hoặc sản lượng khai thác để tính tiền; việc quy đổi giá tính tiền cấp quyền; mức thu tiền cấp quyền; hệ số nở rời vời từng loại khoáng sản, chế độ thu, nộp; xử lý vi phạm và chế độ tổng hợp, báo cáo kết quả thu nộp của cơ quan Thuế,… Đối với các mỏ khoáng sản khi chấm dứt hoạt động mà không khai thác hết phần trữ lượng đã tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thì cho phép các đơn vị chủ Giấy phép được khấu trừ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng khoáng sản chưa khai thác hoặc cho phép nộp tiền theo trữ lượng, sản lượng khai thác đã khai thác thực tế. Đối với trường hợp khai thác khoáng sản không bắt buộc phải tiến hành thăm dò, quy định tại Điều 65 Luật Khoáng sản hoặc trường hợp không phải đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 64 Luật khoáng sản thì trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho phép được xác định theo khối lượng khoáng sản đã thu hồi, sử dụng thực tế theo hàng tháng, hoặc hàng năm (tùy thuộc thời hạn giấy phép khai thác).

- Đề nghị Chính phủ tiếp tục giao Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định, phê duyệt và bàn giao các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh Lào Cai; ưu tiên, sớm điều tra, thăm dò đánh giá tiềm năng tài nguyên khoáng sản dưới sâu thuộc địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Đề nghị chỉ đạo Bộ Tài chính sớm điều chỉnh khung giá tính thuế cho phù hợp với tình hình thực tế; xem xét, có cơ chế khoán thu ngân sách theo trữ lượng vàng đã cấp giấy phép khai thác.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung Nghị định số 22/2012/NĐ-CP về đấu giá quyền khai thác khoáng sản cho phù hợp với thực tế, theo hướng giảm bớt thời gian, trình tự thủ tục về đấu giá, về cấp phép sau khi trúng đấu giá và việc chủ động khai thác trong phạm vi trữ lượng của mỏ (công suất khai thác hàng năm phù hợp với nhu cầu, khả năng khai thác của doanh nghiệp) và hướng dẫn cụ thể về: Xác định định mức chi phí cho: Công tác thẩm định hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản; công tác khảo sát đánh giá sơ bộ chất lượng, trữ lượng mỏ đối với các điểm mỏ chưa có kết quả thăm dò; chi phí lập dự toán đầu tư thăm dò, chi phí lập dự toán đầu tư khai thác; trường hợp doanh nghiệp được cấp phép khai thác, đã nộp đủ số tiền trúng đấu giá (nộp một lần) trữ lượng khai thác. Nhưng vì tình hình thực tế tại địa phương không thể gia hạn giấy phép hoặc phải thu hồi giấy phép trong khi doanh nghiệp chưa khai thác hết trữ lượng đã nộp tiền trúng đấu giá. Nghị định chưa có quy định việc hoàn trả số tiền trúng đấu giá cho doanh nghiệp đối với phần trữ lượng chưa khai thác; quy định việc hoàn trả số tiền trúng đấu giá cho doanh nghiệp đối với phần trữ lượng chưa khai thác.

4. Lĩnh vực bảo vệ môi trường:

4.1. Khó khăn, vướng mắc:

- Cơ chế chính sách về bảo vệ môi trường (BVMT) còn thiếu đồng bộ, các hướng dẫn về các thủ tục pháp lý về BVMT còn chưa kịp thời dẫn đến những khó khăn trong công tác quản lý nhà nước về BVMT như: Việc xác định thời gian thẩm định hồ sơ pháp lý về BVMT; Các hướng dẫn xác định thiệt hại, bồi thường về sự cố môi trường; quy chuẩn về khoảng cách an toàn, thu phí nước thải; Mức thu phí thẩm định phương án CTPHMT trong khai thác khoáng sản; quy chuẩn quy định về chất thải làm vật liệu xây dựng...; Chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư cho BVMT tại những tỉnh miền núi, địa phương khó khăn, chưa thu hút được các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này.

- Luật Quy hoạch năm 2017 đã có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019, nhưng đến nay chưa có Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết về việc tích hợp quy hoạch vào quy hoạch tỉnh, cũng như chưa có sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến quy hoạch. Do vậy, khó khăn cho địa phương trong việc xây dựng Quy hoạch BVMT và quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học cấp tỉnh.

- Nguồn lực đầu tư cho BVMT còn hạn chế, mặc dù tỉnh đã đảm bảo chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên 1% tổng chi ngân sách, tuy nhiên chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; việc đầu tư hạ tầng về bảo vệ môi trường chưa đồng bộ; việc quản lý, giám sát nguồn thải và quản lý môi trường gặp khó khăn.

4.2. Đề xuất, kiến nghị:

(1) Đề nghị Chính phủ có cơ chế đặc thù trích các nguồn thu để đầu tư hạ tầng nói chung và BVMT nói riêng đặc biệt đối với các tỉnh miền núi khó khăn, không có đơn vị quản lý đăng ký đầu tư hạ tầng cho các khu công nghiệp như: quy định về trích thu một khoản đóng góp từ các doanh nghiệp sản xuất hóa chất, cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cho địa phương nơi doanh nghiệp đầu tư dự án để đầu tư hạ tầng khắc phục, xử lý ô nhiễm môi trường (mức thu đề xuất tính theo tỷ lệ % trên lợi nhuận sau thuế); cơ chế hỗ trợ đầu tư riêng đối với các tỉnh miền núi, đầu nguồn về bảo vệ môi trường nước thượng nguồn, bảo vệ đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu).

(2) Sớm trình Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT năm 2014, Luật Quản lý đa dạng sinh học năm 2008 nhằm khắc phục kịp thời những tồn tại về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, quy hoạch BVMT, quy hoạch, quản lý đa dạng sinh học...

(3) Xem xét việc tăng tỷ lệ chi sự nghiệp môi trường hàng năm trong tổng chi ngân sách Nhà nước.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường từ đầu nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XV đến nay của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai./.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH LÀO CAI

Đỗ Văn Duy

Nơi nhận:
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP.